



Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2025



Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thông tin về Tổng Công ty

Các văn bản thành lập

Quyết định số 862 NN-TCCB/QĐ ngày 21 tháng 6 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Tổng Công ty được chuyển đổi thành Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP theo Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100104443 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất (lần thứ 13) là ngày 4 tháng 9 năm 2025.

Hội đồng Quản trị

Bà Mai Kiều Liên	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hồng Bách	Thành viên
Ông Lê Thành Liêm	Thành viên
Ông Đỗ Hoàng Phúc	Thành viên
Ông Đoàn Quốc Khánh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đoàn Quốc Khánh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Nam	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Ngọc Trâm	Phó Tổng giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thái Thoại Trân	Trưởng ban
Ông Trịnh Công Sơn	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Minh Thu	Thành viên (từ ngày 23/4/2025)
Ông Trương Anh Vũ	Thành viên (đến ngày 23/4/2025)

Trụ sở đăng ký

519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 50 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Đoàn Quốc Khánh
Tổng Giám đốc

Hà Nội,

23-03-2026

20.
IG
HT
M
0'v



Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Keangnam Landmark 72,
Đường Phạm Hùng, Phường Yên Hòa,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 23 tháng 3 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 50.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-02-00162-26-2



Phạm Thị Thùy Linh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3065-2024-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Phan Mỹ Linh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3064-2024-007-1

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2026



Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		3.776.507.402.086	4.077.377.193.831
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	122.064.387.964	420.708.312.481
Tiền	111		100.064.387.964	80.708.312.481
Các khoản tương đương tiền	112		22.000.000.000	340.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.753.075.146.021	2.989.300.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	2.753.075.146.021	2.989.300.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		371.897.929.987	360.531.392.858
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	215.261.669.716	212.957.874.264
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	61.801.160.399	55.078.818.716
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	96.903.895.756	98.189.135.545
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(2.068.795.884)	(5.694.435.667)
Hàng tồn kho	140	10	480.491.236.924	259.498.755.477
Hàng tồn kho	141		490.773.754.568	264.793.078.934
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10.282.517.644)	(5.294.323.457)
Tài sản ngắn hạn khác	150		48.978.701.190	47.338.733.015
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	13.076.372.108	10.121.406.212
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		17.039.888.642	13.599.703.345
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	20(a)	18.862.440.440	23.617.623.458

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		2.860.766.469.862	2.738.207.494.178
Các khoản phải thu dài hạn khác	210		470.595.227	635.015.165
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	470.595.227	635.015.165
Tài sản cố định	220		2.003.900.872.666	1.481.985.359.926
Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.631.733.792.512	1.074.641.512.241
<i>Nguyên giá</i>	222		2.726.493.784.966	2.083.591.673.878
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.094.759.992.454)	(1.008.950.161.637)
Tài sản cố định vô hình	227	12	372.167.080.154	407.343.847.685
<i>Nguyên giá</i>	228		692.155.808.579	695.143.808.579
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(319.988.728.425)	(287.799.960.894)
Tài sản dở dang dài hạn	240		592.209.035.511	884.968.336.598
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	13	24.775.218.237	20.571.420.405
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	567.433.817.274	864.396.916.193
Đầu tư tài chính dài hạn	250		190.082.602.384	252.487.650.621
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	5(b)	164.998.882.784	172.403.931.021
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5(c)	22.378.531.927	22.378.531.927
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5(c)	(22.294.812.327)	(22.294.812.327)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5(a)	25.000.000.000	80.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		74.103.364.074	118.131.131.868
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	28.043.134.802	25.946.388.259
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16(a)	1.266.234.142	-
Lợi thế thương mại	269	17	44.793.995.130	92.184.743.609
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		6.637.273.871.948	6.815.584.688.009

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		710.287.761.935	807.906.907.427
Nợ ngắn hạn	310		614.793.433.020	698.534.532.775
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	268.985.078.869	381.625.195.442
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	33.124.917.987	4.698.071.846
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20(b)	20.703.879.471	9.661.048.509
Phải trả người lao động	314		25.748.370.287	23.294.510.881
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	119.477.929.906	98.563.294.515
Phải trả ngắn hạn khác	319	22(a)	7.553.928.664	6.352.960.875
Vay ngắn hạn	320	23	67.000.000.000	99.000.000.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		3.743.151.333	2.461.920.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	68.456.176.503	72.877.530.707
Nợ dài hạn	330		95.494.328.915	109.372.374.652
Phải trả dài hạn khác	337	22(b)	614.465.489	722.927.552
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	16(a)	92.419.312.404	105.494.756.743
Dự phòng phải trả dài hạn	342		2.460.551.022	3.154.690.357
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		5.926.986.110.013	6.007.677.780.582
Vốn chủ sở hữu	410	25	5.926.986.110.013	6.007.677.780.582
Vốn cổ phần	411	26	2.124.916.110.000	2.124.916.110.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		2.124.916.110.000	2.124.916.110.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.192.426.603.378	1.192.426.603.378
Vốn khác của chủ sở hữu	414		37.813.265.256	37.813.265.256
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(64.403.513.800)	(64.809.947.101)
Quỹ đầu tư phát triển	418	27	116.421.721.734	116.421.721.734
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		109.757.208.159	122.473.412.211
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	421a		122.473.412.211	81.379.034.433
- <i>(Lỗ)/LNST năm nay</i>	421b		(12.716.204.052)	41.094.377.778
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.410.054.715.286	2.478.436.615.104
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		6.637.273.871.948	6.815.584.688.009

23-03-2026

Người lập:



Hoàng Mạnh Cường
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Nguyễn Đức Nam
Phó Tổng Giám đốc

Người duyệt:



Đoàn Quốc Khánh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 02 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	3.116.804.216.525	2.959.887.011.881
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	4.747.772.704	2.553.967.539
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	29	3.112.056.443.821	2.957.333.044.342
Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	11	30	2.442.930.661.052	2.187.391.794.409
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		669.125.782.769	769.941.249.933
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	190.727.852.357	210.038.846.800
Chi phí tài chính	22		6.094.882.382	1.964.157.193
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		5.706.243.839	1.732.481.808
Phần lãi trong công ty liên kết	24		1.014.777.263	1.082.477.361
Chi phí bán hàng	25	32	644.463.897.358	680.453.920.008
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	164.905.571.810	155.092.466.161
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		45.404.060.839	143.552.030.732
Thu nhập khác	31	34	17.337.194.997	16.343.611.016
Chi phí khác	32	35	18.893.073.624	21.686.813.485
Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(1.555.878.627)	(5.343.202.469)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		43.848.182.212	138.208.828.263
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	34.970.104.046	35.251.255.464
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	37	(14.341.678.481)	(14.092.660.655)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyển sang trang sau)	60		23.219.756.647	117.050.233.454

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		23.219.756.647	117.050.233.454
Phân bổ cho:				
Cổ đông phổ thông của Công ty mẹ	61		482.051.194	54.135.679.570
Cổ đông không kiểm soát	62		22.737.705.453	62.914.553.884
(Lỗ)/lãi trên cổ phiếu				
(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	(58)	193

23-03-2026

Người lập:

Hoàng Mạnh Cường
Kế toán trưởng

Người soát xét:

Nguyễn Đức Nam
Phó Tổng Giám đốc

Người duyệt:



Đoàn Quốc Khánh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	43.848.182.212	138.208.828.263
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	219.019.849.084	180.886.217.046
Các khoản dự phòng	03	5.909.721.402	3.430.866.209
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(35.585.760)	106.030.447
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(179.429.744.545)	(198.013.183.510)
Chi phí lãi vay	06	5.706.243.839	1.732.481.808
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	95.018.666.232	126.351.240.263
Biến động các khoản phải thu	09	(40.155.854.698)	8.206.682.156
Biến động hàng tồn kho	10	(225.801.076.153)	(49.550.236.133)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(331.270.804)	143.190.798.850
Biến động chi phí trả trước	12	8.792.643.275	(12.399.878.389)
		(162.476.892.148)	215.798.606.747
Tiền lãi vay đã trả	14	(6.468.491.406)	(577.078.077)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(36.910.604.943)	(19.648.192.531)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(25.992.723.420)	(40.993.864.222)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(231.848.711.917)	154.579.471.917
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(440.216.847.436)	(1.076.018.999.646)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	6.306.837.718	7.510.976.553
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn	23	(3.477.075.146.021)	(4.479.400.000.000)
Tiền thu từ rút tiền gửi có kỳ hạn	24	3.768.300.000.000	3.623.063.539.600
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	983.316.000	23.334.764.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	189.246.685.139	229.570.622.349
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	47.544.845.400	(1.671.939.097.144)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty” hoặc “VLC”) tiền thân là Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, được thành lập theo Quyết định số 862 NN-TCCB/QĐ ngày 21 tháng 6 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Tổng Công ty được chuyển đổi thành Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP theo Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100104443 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 4 tháng 9 năm 2025.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con, và các lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là:

- Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò;
- Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn;
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; và
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
- Thực hiện các hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu và phân phối bán buôn theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành; và
- Bán lẻ thịt và các sản phẩm từ thịt.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty có 2 công ty con cấp 1, 1 công ty con cấp 2 và 4 công ty liên kết (1/1/2025: 2 công ty con cấp 1 và 5 công ty liên kết) như sau:

STT	Tên Công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	31/12/2025		1/1/2025	
				Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ % sở hữu
Công ty con cấp 1							
1	Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (“MCM”)	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	Sơn La	59,30%	59,30%	59,30%	59,30%
2	Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật (“JVNL”)	Sản xuất, chăn nuôi, chế biến và kinh doanh các sản phẩm từ bò	Hà Nội	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty con cấp 2							
1	Công ty TNHH JV Meat (“JVM”)(*)	Chế biến và bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	Phủ Thọ	35,7%	35,7%	-	-
Công ty liên kết							
1	Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	Sản xuất, cung ứng các sản phẩm premix phục vụ hoạt động chăn nuôi	Hà Nội	36,00%	36,00%	36,00%	36,00%
2	Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP (**)	Kinh doanh, sản xuất chè	Hà Nội	20,00%	16,23%	20,00%	16,23%
3	Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	Chế biến rượu các loại, nhân điều xuất khẩu và các loại nông thực phẩm	Lâm Đồng	38,30%	38,30%	38,30%	38,30%
4	Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	Sản xuất ống nhựa, và các sản phẩm từ plastic	Đà Nẵng	40,06%	40,06%	40,06%	40,06%
5	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Súc sản Gia cầm Hai Phòng (***)	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; dịch vụ hỗ trợ cho vận tải	Hà Nội	-	-	30,00%	30,00%

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty và các công ty con có 1.027 nhân viên (1/1/2025: 960 nhân viên).

- (*) Trong năm, JVL đã thành lập Công ty TNHH JV Meat theo Quyết định số 01/2024/QĐ-JVL ngày 8 tháng 11 năm 2024, và góp vốn 16.800.000.000 VND, tương đương 70% lợi ích vốn chủ sở hữu trong công ty này. Do đó, JVM trở thành công ty con cấp 2 của Tập đoàn.
- (**) Tỷ lệ phần trăm sở hữu của Tổng Công ty tại Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP dưới 20%. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP thông qua việc Tổng Công ty có thành viên Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty là Thành viên Hội đồng Quản trị của công ty này. Do đó, khoản đầu tư vào Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP được trình bày trên khoản mục Đầu tư vào công ty liên kết.
- (***) Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty ngày 10 tháng 2 năm 2025 đã thông qua việc thoái 491.658 cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Súc sản Gia cầm Hải Phòng.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính. Toàn bộ các số liệu được trình bày bằng VND, trừ khi được ghi chú khác.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu

12.
TY
+
G
HA

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Tổng Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại công ty liên kết.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND tương ứng theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty hoặc công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Gia súc

Gia súc được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của gia súc bao gồm tất cả các chi phí thực tế và các chi phí liên quan trực tiếp đã phát sinh để hình thành và nuôi lớn gia súc cho đến khi đưa gia súc đến trạng thái hoạt động cho mục đích sản xuất đã dự kiến (khi gia súc đạt đủ 16 tháng tuổi).

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tài sản cố định hữu hình khác

Tài sản cố định hữu hình khác được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình khác bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình khác đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình khác vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình khác.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 50 năm
máy móc và thiết bị	4 – 30 năm
phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
gia súc	4 – 7 năm
tài sản khác	3 – 8 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Lợi thế quyền thuê đất, lợi thế thương hiệu và lợi thế vùng nguyên liệu

Lợi thế quyền thuê đất, lợi thế thương hiệu và lợi thế vùng nguyên liệu là các tài sản cố định vô hình mà Tổng Công ty có được từ việc mua lại các công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại thời điểm Tổng Công ty mua các công ty con.

Lợi thế quyền thuê đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian còn lại của các hợp đồng thuê đất. Lợi thế thương hiệu được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm. Lợi thế vùng nguyên liệu được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 18 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính và phần mềm quản lý

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới và phần mềm quản lý mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính và phần mềm quản lý được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm.

(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty và các công ty con không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

10 / 11
CỘ T
/ H

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa định kỳ, thuê biển quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 18 tháng đến 36 tháng.

(k) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tổng Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tổng Công ty và các công ty con và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tổng Công ty và các công ty con chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(n) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(q) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỹ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm. Do vậy yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty và các công ty con chủ yếu hoạt động sản xuất kinh doanh là chăn nuôi bò sữa, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm liên quan đến bò sữa. Do đó, Tổng Công ty và các công ty con không trình bày báo cáo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Tổng Công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ của Tổng Công ty, và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con trong năm trước.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền mặt	82.370.532	35.130.285
Tiền gửi ngân hàng	99.982.017.432	80.673.182.196
Các khoản tương đương tiền	22.000.000.000	340.000.000.000
	122.064.387.964	420.708.312.481

Số dư các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 1,6% đến 4,75%/năm (1/1/2025: từ 0,5% đến 4,75%/năm).

5. Đầu tư tài chính**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	2.753.075.146.021	2.753.075.146.021	2.989.300.000.000	2.989.300.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	25.000.000.000	(*)	80.000.000.000	(*)

Tiền gửi ngắn hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại ngày lập bảng cân đối kế toán, và hưởng lãi suất từ 4,75% đến 8,2%/năm (1/1/2025: từ 3,6% đến 6,5%/năm). Giá gốc của các khoản tiền gửi này xấp xỉ giá trị hợp lý do tính chất ngắn hạn của khoản đầu tư.

Tiền gửi dài hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có kỳ hạn gốc 13 tháng và hưởng lãi suất 8,2%/năm (1/1/2025: 6,4%/năm).

- (*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính năm bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2025				Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá trị hợp lý
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	% quyền biểu quyết		
Địa chỉ						
Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	5.613.217	38,30%	38,30%	38,30%	83.375.319.991	(ii)
Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP (i)	7.400.000	16,23%	20,00%	20,00%	48.664.379.696	(ii)
Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	6.750.000	40,06%	40,06%	40,06%	26.172.657.188	(ii)
Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	-	36,00%	36,00%	36,00%	6.786.525.909	(ii)
					164.998.882.784	

	1/1/2025				Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá trị hợp lý
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	% quyền biểu quyết		
Địa chỉ						
Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	5.613.217	38,30%	38,30%	38,30%	90.348.792.762	(ii)
Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP (i)	7.400.000	16,23%	20,00%	20,00%	47.649.869.926	(ii)
Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	6.750.000	40,06%	40,06%	40,06%	25.125.397.604	(ii)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Súc sản Gia cầm Hải Phòng (iii)	491.658	30,00%	30,00%	30,00%	-	(ii)
Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	-	36,00%	36,00%	36,00%	9.279.870.729	(ii)
					172.403.931.021	

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

		31/12/2025				Giá trị hợp lý VND
Địa chỉ	Số lượng cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương	1.722.715	17,23%	17,23%	17.609.383.826	(17.609.383.826)	(ii)
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Chế biến Xuất nhập khẩu	291.264	17,12%	17,12%	4.685.428.501	(4.685.428.501)	(ii)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Mộc Châu	9.038	0,0516%	0,0516%	83.719.600	-	(ii)
				22.378.531.927	(22.294.812.327)	
		1/1/2025				Giá trị hợp lý VND
Địa chỉ	Số lượng cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương	1.722.715	17,23%	17,23%	17.609.383.826	(17.609.383.826)	(ii)
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Chế biến Xuất nhập khẩu	291.264	17,12%	17,12%	4.685.428.501	(4.685.428.501)	(ii)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Mộc Châu	8.358	0,0516%	0,0516%	83.719.600	-	(ii)
				22.378.531.927	(22.294.812.327)	

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Tỷ lệ phần trăm sở hữu của Tổng Công ty tại Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP dưới 20%. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP thông qua việc Tổng Công ty có thành viên ban Tổng giám đốc của Tổng Công ty là Thành viên Hội đồng Quản trị của công ty này. Do đó, khoản đầu tư vào Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP được trình bày trên khoản mục Đầu tư vào công ty liên kết.
- (ii) Tổng Công ty và các công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường hoặc khối lượng giao dịch trên thị trường thấp cho các khoản đầu tư này, và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (iii) Hội đồng Quản trị của Tổng công ty ngày 10 tháng 2 năm 2025 đã thông qua việc thoái vốn 491.658 cổ phiếu do Tổng công ty nắm giữ tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Súc sản Gia cầm Hải Phòng.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động các khoản đầu tư vào công ty liên kết trong kỳ như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	172.403.931.021	173.121.453.660
Phần lãi từ các công ty liên kết	1.014.777.263	1.082.477.361
Cổ tức nhận được từ các công ty liên kết	(8.419.825.500)	(1.800.000.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	164.998.882.784	172.403.931.021

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	67.046.763.890	76.288.728.144
Bên khác		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce	6.418.614.337	226.999.081
Công ty TNHH Aeon Việt Nam	4.343.047.290	764.268.897
Công ty Cổ phần Phát triển TNS Việt Nam	1.125.465.441	1.731.465.441
Các khách hàng khác	136.327.778.758	133.946.412.701
	<hr/>	<hr/>
	215.261.669.716	212.957.874.264

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không có bảo đảm, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 40 - 47 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Swift & Company Trade Group	12.936.181.017	-
JBS S.A.	18.289.324.181	-
Công ty TNHH Maeda Việt Nam	-	10.333.826.230
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Thương mại Đại Dũng	-	10.929.614.705
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc Việt	-	11.163.675.432
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Minh	2.782.918.200	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Mộc Châu	1.570.533.433	5.044.409.402
Công ty TNHH Liên doanh DMC - VTS	-	3.721.075.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	26.222.203.568	13.886.217.947
	<hr/>	<hr/>
	61.801.160.399	55.078.818.716
	<hr/>	<hr/>

8. Phải thu khác

(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác:

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Bên liên quan		
Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP	-	12.337.000
Bên khác		
Lãi tiền gửi	84.139.201.763	88.286.247.126
Phải thu về cổ tức	528.800.000	528.800.000
Phải thu từ thanh lý công ty liên kết	957.600.000	957.600.000
Phải thu khác	11.278.293.993	8.404.151.419
	<hr/>	<hr/>
	96.903.895.756	98.189.135.545
	<hr/>	<hr/>

(b) Các khoản phải thu dài hạn khác:

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Ký cược, ký quỹ	470.595.227	635.015.165
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTPC
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Số năm quá hạn	31/12/2025		1/1/2025			
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Nợ khó có khả năng thu hồi</i>							
Công ty TNHH Liên doanh DMC - VTS	Trên 3 năm	-	-	-	3.721.075.000	(3.721.075.000)	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật liệu Xây dựng Cát Linh	Trên 3 năm	-	-	-	239.000.000	(239.000.000)	-
Công ty CP giống vật nuôi và cây trồng Đồng Giao	Trên 3 năm	1.486.400.000	(1.486.400.000)	-	1.486.400.000	(1.486.400.000)	-
Các bên khác	Trên 3 năm	582.395.884	(582.395.884)	-	247.960.667	(247.960.667)	-
		2.068.795.884	(2.068.795.884)	-	5.694.435.667	(5.694.435.667)	-
<i>Trong đó:</i>							
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			(2.068.795.884)			(5.694.435.667)	

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Hàng tồn kho

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	1.441.800	-	-	-
Nguyên vật liệu	139.322.651.373	(1.050.052.932)	131.224.587.329	(667.108.103)
Công cụ và dụng cụ	5.731.541.850	-	3.420.121.847	(75.258.432)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	252.123.128.434	-	86.481.801.331	-
Thành phẩm	91.635.348.769	(9.232.464.712)	41.763.251.257	(4.551.956.922)
Hàng hóa	1.959.642.342	-	1.903.317.170	-
	490.773.754.568	(10.282.517.644)	264.793.078.934	(5.294.323.457)

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Gia súc VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	799.892.735.823	1.116.768.929.397	80.470.111.352	16.391.535.726	70.068.361.580	2.083.591.673.878
Tăng trong năm	4.569.353.654	51.966.529.974	1.962.838.548	551.366.902	-	59.050.089.078
Chuyển từ chi phí sản xuất, kinh doanh dờ dạng dài hạn	-	-	-	-	24.636.183.855	24.636.183.855
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dờ dạng	544.254.215.012	76.748.415.612	-	2.830.536.000	-	623.833.166.624
Thanh lý, nhượng bán	(11.449.134.765)	(23.107.364.534)	(2.765.312.436)	(453.190.606)	(26.842.326.128)	(64.617.328.469)
Số dư cuối năm	1.337.267.169.724	1.222.376.510.449	79.667.637.464	19.320.248.022	67.862.219.307	2.726.493.784.966
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	216.191.721.284	691.433.950.194	70.448.351.423	7.453.702.470	23.422.436.266	1.008.950.161.637
Khấu hao trong năm	44.105.250.021	75.394.828.683	2.668.003.182	2.918.733.882	11.365.517.306	136.452.333.074
Thanh lý, nhượng bán	(11.372.933.510)	(23.107.364.534)	(2.765.312.436)	(453.190.606)	(12.943.701.171)	(50.642.502.257)
Số dư cuối năm	248.924.037.795	743.721.414.343	70.351.042.169	9.919.245.746	21.844.252.401	1.094.759.992.454
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	583.701.014.539	425.334.979.203	10.021.759.929	8.937.833.256	46.645.925.314	1.074.641.512.241
Số dư cuối năm	1.088.343.131.929	478.655.096.106	9.316.595.295	9.401.002.276	46.017.966.906	1.631.733.792.512

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các tài sản có nguyên giá 629.362 triệu VND (1/1/2025: 634.992 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá	Lợi thế quyền thuê đất VND	Lợi thế thương hiệu VND	Lợi thế vùng nguyên liệu VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	165.948.848.225	325.192.463.989	197.956.870.362	5.520.946.000	524.680.003	695.143.808.579
Thanh lý	-	-	-	(2.988.000.000)	-	(2.988.000.000)
Số dư cuối năm	165.948.848.225	325.192.463.989	197.956.870.362	2.532.946.000	524.680.003	692.155.808.579
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	64.668.873.795	130.076.985.593	87.980.831.272	4.927.053.735	146.216.499	287.799.960.894
Khấu hao trong năm	7.615.344.213	16.259.623.197	10.997.603.911	189.781.084	114.415.126	35.176.767.531
Thanh lý	-	-	-	(2.988.000.000)	-	(2.988.000.000)
Số dư cuối năm	72.284.218.008	146.336.608.790	98.978.435.183	2.128.834.819	260.631.625	319.988.728.425
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	101.279.974.430	195.115.478.396	109.976.039.090	593.892.265	378.463.504	407.343.847.685
Số dư cuối năm	93.664.630.217	178.855.855.199	98.978.435.179	404.111.181	264.048.378	372.167.080.154

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có tài sản có nguyên giá 1.441 triệu VND (1/1/2025: 4.429 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



13. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn phản ánh giá trị ghi sổ của bò sữa dưới 16 tháng tuổi. Chi phí này sẽ được chuyển sang mục gia súc thuộc tài sản cố định hữu hình khi bò đủ 16 tháng tuổi, là khi bò đã sẵn sàng cho việc sản xuất sữa.

Biến động chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	20.571.420.405	11.324.330.731
Tăng trong năm	35.200.217.164	27.879.930.717
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(24.636.183.855)	(13.387.755.416)
Giảm khác	(6.360.235.477)	(5.245.085.627)
Số dư cuối năm	24.775.218.237	20.571.420.405

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	864.396.916.193	228.445.553.623
Tăng trong năm	340.894.022.900	1.193.122.825.412
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(623.833.166.624)	(558.565.198.098)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(516.782.000)
Chuyển sang công cụ dụng cụ dài hạn	(13.844.355.714)	(1.530.000.000)
Phân loại từ chi phí trả trước dài hạn	-	3.440.517.256
Chuyển sang hàng tồn kho	(179.599.481)	-
Số dư cuối năm	567.433.817.274	864.396.916.193

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Trang trại du lịch sinh thái bò sữa công nghệ cao 4.000 con	311.598.780.912	143.242.557.097
Dự án Tam Đảo	95.078.590.525	629.390.173.226
Dự án Nhà máy sữa Hưng Yên	73.160.647.757	63.428.745.942
Dự án Nhà máy sữa công nghệ cao	31.076.807.952	-
Dự án đầu tư xây dựng tòa nhà Vilico Tower	2.990.154.545	2.664.654.545
Dự án phần mềm ERP	37.138.141.102	-
Các công trình khác	16.390.694.481	25.670.785.383
	567.433.817.274	864.396.916.193

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công cụ dụng cụ	2.070.806.143	2.247.583.322
Chi phí quảng cáo	2.509.709.021	326.394.115
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	8.495.856.944	7.547.428.775
	13.076.372.108	10.121.406.212

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	10.501.730.992	15.444.657.267	25.946.388.259
Tăng trong năm	2.744.735.242	3.345.416.818	6.090.152.060
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	285.452.000	13.558.903.714	13.844.355.714
Phân bổ trong năm	(7.543.891.777)	(9.426.099.694)	(16.969.991.471)
Thanh lý	-	(867.769.760)	(867.769.760)
	5.988.026.457	22.055.108.345	28.043.134.802

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

(a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

	Thuế suất	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Phát sinh từ lợi nhuận chưa thực hiện	20%	1.266.234.142	-

(b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	Thuế suất	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Phát sinh từ dự phòng đầu tư vào công ty con, công ty liên kết	20%	8.991.874.472	9.404.228.343
Phát sinh từ tài sản đánh giá lại	20%	83.427.437.932	96.090.528.400
		92.419.312.404	105.494.756.743

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2025		1/1/2025	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	9.250.941.519	1.850.188.304	4.723.017.623	944.603.525
Lỗi tính thuế	115.256.150.497	23.051.230.099	27.649.961.880	5.529.992.376
	124.507.092.016	24.901.418.403	32.372.979.503	6.474.595.901

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào những năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND
2027	Chưa quyết toán	19.175.216.014
2029	Chưa quyết toán	8.474.745.866
2030	Chưa quyết toán	87.606.188.617
		115.256.150.497

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tổng Công ty và các công ty con có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

17. Lợi thế thương mại

	Lợi thế thương mại VND
Giá gốc	
Số dư đầu năm và cuối năm	460.923.718.049
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	368.738.974.440
Phân bổ trong năm	47.390.748.479
Số dư cuối năm	416.129.722.919
Giá trị ghi sổ	
Số dư đầu năm	92.184.743.609
Số dư cuối năm	44.793.995.130

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	2.523.934.350	1.798.622.554
Các công ty liên quan khác		
Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam	9.063.457.925	8.457.252.082
Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	934.500.000	1.913.700.000
Công Ty TNHH Một Thành Viên Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa	3.148.293.455	664.819.676
Các bên khác		
Công ty TNHH Maeda Việt Nam	28.661.013.770	64.580.081.893
Các hộ chăn nuôi	48.891.233.391	49.635.070.519
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Thương mại Đại Dũng	-	59.463.066.884
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc Việt	-	28.651.123.677
Công ty cổ phần công nghệ SMOSA Việt Nam	-	27.983.983.281
Các bên khác	175.762.645.978	138.477.474.876
	268.985.078.869	381.625.195.442

Khoản phải trả đối với các bên liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng từ 20 đến 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

19. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đại Tân Việt	27.515.680.958	-
Trung tâm Nghiên cứu Gia cầm Thụy Phương	1.444.893.000	1.444.893.000
Các khách hàng khác	4.164.344.029	3.253.178.846
	33.124.917.987	4.698.071.846

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2025 VND	Số phải thu trong năm VND	Số (đã nộp)/bù trừ trong năm VND	Bù trừ giữa thuế phải thu và thuế phải nộp VND	Phân loại từ thuế phải nộp sang phải thu VND	31/12/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	15.434.664.385	2.284.567.549	(7.302.901.787)	(5.461.386.958)	-	4.954.943.189
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	8.124.870.779	2.296.669.119	-	-	-	10.421.539.898
Thuế thu nhập cá nhân	251.650	-	-	-	176.455.050	176.706.700
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	57.836.644	(12.245.057.833)	15.399.986.966	-	-	3.212.765.777
Thuế nhập khẩu	-	(396.117.996)	492.602.872	-	-	96.484.876
	23.617.623.458	(8.059.939.161)	8.589.688.051	(5.461.386.958)	176.455.050	18.862.440.440

(*) Trong năm, Tổng Công ty tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế giá trị gia tăng liên quan đến tiền tạm ứng của JVL cho việc chuyển nhượng Dự án Tam Đảo.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCV

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2025 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số (đã nộp)/bù trừ trong năm VND	Bù trừ giữa thuế phải thu và thuế phải nộp VND	Phân loại từ thuế phải nộp sang phải thu VND	31/12/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	29.185.998	198.273.501.513	(181.784.229.198)	(5.461.386.958)	-	11.057.071.355
Thuế giá trị gia tăng đối với hàng nhập khẩu	-	457.970.861	(457.970.861)	-	-	-
Thuế nhập khẩu và xuất khẩu	-	131.634.067	(131.634.067)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.009.045.636	34.970.104.046	(34.613.935.824)	-	-	9.365.213.858
Thuế thu nhập cá nhân	604.360.134	11.669.794.537	(12.218.657.403)	-	176.455.050	231.952.318
Thuế tài nguyên	16.773.200	174.632.206	(175.096.800)	-	-	16.308.606
Các loại thuế khác	1.683.541	895.449.824	(863.800.031)	-	-	33.333.334
	9.661.048.509	246.573.087.054	(230.245.324.184)	(5.461.386.958)	176.455.050	20.703.879.471

Các nghĩa vụ thuế của Tổng Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***21. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí hỗ trợ, quảng cáo, khuyến mại (i)	43.424.925.013	51.185.676.782
Trích trước chi phí xây dựng cơ bản dở dang	55.735.195.912	-
Mua sữa từ các hộ chăn nuôi	3.224.837.290	3.303.111.497
Chi phí quảng cáo trên phương tiện truyền thông	2.199.252.000	404.671.001
Chi phí bảo dưỡng máy móc	2.277.076.110	1.688.350.678
Chi phí lãi vay	393.156.166	1.155.403.733
Chi phí vận chuyển thuê ngoài	1.155.646.898	-
Các khoản khác	11.067.840.517	40.826.080.824
	<hr/> 119.477.929.906	<hr/> 98.563.294.515

Chi phí thực hiện chương trình khuyến mại thể hiện chi phí phải trả cho các khách hàng theo các chương trình khuyến mại mà Tổng Công ty và các công ty con đang áp dụng.

22. Các khoản phải trả khác**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Phải trả, thanh toán tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	-	850.358.888
Kinh phí công đoàn	144.256.132	288.553.836
Cổ tức phải trả	223.406.130	223.406.130
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	87.000.000	187.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	7.099.266.402	4.803.642.021
	<hr/> 7.553.928.664	<hr/> 6.352.960.875

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Quỹ khuyến học và các quỹ khác	291.865.489	400.327.552
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	322.600.000	322.600.000
	<hr/> 614.465.489	<hr/> 722.927.552

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***23. Vay ngắn hạn**

	1/1/2025 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2025 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	99.000.000.000	285.000.000.000	(317.000.000.000)	67.000.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Bên cho vay	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	4,0%	30.000.000.000	99.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	VND	4,1%	37.000.000.000	-
			<u>67.000.000.000</u>	<u>99.000.000.000</u>

Các khoản vay này có thời hạn từ 4 đến 6 tháng và không có tài sản đảm bảo.

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	72.877.530.707	91.879.317.701
Trích lập trong năm	21.571.369.216	21.992.077.228
Sử dụng trong năm	(25.992.723.420)	(40.993.864.222)
Số dư cuối năm	<u>68.456.176.503</u>	<u>72.877.530.707</u>

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	(Lỗ lũy kế)/ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2024	2.124.916.110.000	1.192.426.603.378	37.813.265.256	(64.809.947.101)	132.180.196.331	368.973.120.483	1.615.748.300.609	5.407.247.648.956
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	54.135.679.570	62.914.553.884	117.050.233.454
Cổ tức	-	-	-	-	-	(127.494.966.600)	(89.540.058.000)	(217.035.024.600)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	(15.758.474.597)	15.758.474.597	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(13.041.301.796)	(8.950.775.432)	(21.992.077.228)
Cổ đông không kiểm soát góp vốn tại công ty con	-	-	-	-	-	-	722.407.000.000	722.407.000.000
Biến động khác	-	-	-	-	-	(175.857.594.043)	175.857.594.043	-
Số dư tại ngày 1/1/2025	2.124.916.110.000	1.192.426.603.378	37.813.265.256	(64.809.947.101)	116.421.721.734	122.473.412.211	2.478.436.615.104	6.007.677.780.582
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	482.051.194	22.737.705.453	23.219.756.647
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(89.540.058.000)	(89.540.058.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(12.791.821.945)	(8.779.547.271)	(21.571.369.216)
Thanh lý khoản đầu tư	-	-	-	406.433.301	-	(406.433.301)	-	-
Cổ đông không kiểm soát góp vốn tại công ty con	-	-	-	-	-	-	7.200.000.000	7.200.000.000
Số dư tại ngày 31/12/2025	2.124.916.110.000	1.192.426.603.378	37.813.265.256	(64.403.513.800)	116.421.721.734	109.757.208.159	2.410.054.715.286	5.926.986.110.013

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2025		1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	212.491.611	2.124.916.110.000	212.491.611	2.124.916.110.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	212.491.611	2.124.916.110.000	212.491.611	2.124.916.110.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	212.491.611	2.124.916.110.000	212.491.611	2.124.916.110.000

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam, một công ty được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

27. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

28. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Trong vòng một năm	28.851.958.230	30.025.791.865
Từ hai đến năm năm	103.839.544.698	100.317.433.093
Trên năm năm	918.236.919.000	930.485.444.725
	1.050.928.421.928	1.060.828.669.683

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	1.044.256.661.251	2.557.850.468.848
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	8.497.160.218	1.449.594.557.133
	<hr/>	
	1.052.753.821.469	4.007.445.025.981
	<hr/>	

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

	Năm xóa sổ	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty TNHH Liên doanh DMC - VTS	2025	3.721.075.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật liệu Xây dựng Cát Linh	2025	239.000.000	-
		<hr/>	
		3.960.075.000	-
		<hr/>	

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***29. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2025	2024
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán thành phẩm	2.842.004.021.059	2.877.702.899.920
▪ Doanh thu bán hàng hóa	265.638.667.381	78.016.119.412
▪ Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.247.943.626	3.003.878.381
▪ Doanh thu khác	5.913.584.459	1.164.114.168
	<hr/> 3.116.804.216.525	<hr/> 2.959.887.011.881
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	142.211.211	199.737.940
▪ Chiết khấu thương mại	4.605.561.493	2.354.229.599
	<hr/> 4.747.772.704	<hr/> 2.553.967.539
Doanh thu thuần	<hr/> 3.112.056.443.821	<hr/> 2.957.333.044.342

30. Giá vốn hàng bán

	2025	2024
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm đã bán	2.180.877.270.748	2.107.860.361.549
▪ Hàng hóa đã bán	243.035.937.110	65.146.465.047
▪ Dịch vụ đã cung cấp	1.744.259.305	3.696.021.831
▪ Giá vốn khác	11.557.578.959	8.628.972.954
▪ Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.715.614.930	2.059.973.028
	<hr/> 2.442.930.661.052	<hr/> 2.187.391.794.409

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***31. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2025 VND	2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	185.099.639.776	189.569.019.846
Lãi thanh lý khoản đầu tư khác	-	15.867.664.000
Lãi thanh lý công ty liên kết	983.316.000	-
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	3.891.914.559	4.409.659.958
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	717.396.262	186.981.496
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	35.585.760	5.521.500
	<hr/>	<hr/>
	190.727.852.357	210.038.846.800

32. Chi phí bán hàng

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân công	56.729.168.850	48.205.513.850
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	741.025.197	163.504.334
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.192.514.380	1.167.848.671
Chi phí hỗ trợ, quảng cáo, hàng mẫu	531.772.636.984	569.677.944.286
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.952.724.617	34.098.591.109
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	4.889.439.785	6.413.608.165
Chi phí khác bằng tiền	10.186.387.545	20.726.909.593
	<hr/>	<hr/>
	644.463.897.358	680.453.920.008

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân công	50.259.683.987	47.456.016.091
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	448.583.643	1.786.934.838
Chi phí khấu hao và phân bổ	10.991.767.612	8.737.342.828
Phân bổ lợi thế thương mại	47.390.748.479	46.092.371.805
Thuế, phí và lệ phí	5.013.642.206	4.160.263.859
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.472.650.392	27.853.650.721
Chi phí khác bằng tiền	26.328.495.491	19.005.886.019
	<hr/>	<hr/>
	164.905.571.810	155.092.466.161

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***34. Thu nhập khác**

	2025 VND	2024 VND
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	6.306.837.718	7.510.976.553
Phí hỗ trợ từ nhà cung cấp	3.000.000.000	3.000.000.000
Các khoản khác	8.030.357.279	5.832.634.463
	<hr/> 17.337.194.997	<hr/> 16.343.611.016

35. Chi phí khác

	2025 VND	2024 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	13.974.826.212	16.199.754.250
Chi phí khấu hao tài sản cố định	114.284.591	169.871.792
Các khoản khác	4.803.962.821	5.317.187.443
	<hr/> 18.893.073.624	<hr/> 21.686.813.485

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.243.249.830.025	1.931.814.601.212
Chi phí hỗ trợ, quảng cáo	546.236.808.359	566.545.547.023
Chi phí nhân công	210.905.189.813	180.215.848.928
Chi phí khấu hao tài sản cố định	171.514.816.014	134.623.973.449
Phân bổ lợi thế thương mại	47.390.748.479	46.092.371.805
Chi phí dịch vụ mua ngoài	156.553.652.991	142.783.538.100
Chi phí khác bằng tiền	86.246.894.224	82.981.616.945
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***37. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	2025	2024
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	34.355.814.190	35.059.600.574
Dự phòng thiếu các năm trước	614.289.856	191.654.890
	<hr/> 34.970.104.046	<hr/> 35.251.255.464
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoãn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(14.341.678.481)	(14.092.660.655)
	<hr/> 20.628.425.565	<hr/> 21.158.594.809

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2025	2024
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	43.848.182.212	138.208.828.263
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	8.769.636.442	27.641.765.653
Thu nhập được miễn thuế	(18.037.996.773)	(18.485.750.402)
Chi phí không được khấu trừ	1.580.479.295	516.964.366
Ảnh hưởng của điều chỉnh hợp nhất	9.275.194.243	9.001.978.889
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	18.426.822.502	2.291.981.413
Dự phòng thiếu các năm trước	614.289.856	191.654.890
	<hr/> 20.628.425.565	<hr/> 21.158.594.809

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư và luật thuế thu nhập hiện hành, Tổng Công ty và JVL có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Với MCM, theo quy định tại Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế (“Nghị định 320”), MCM được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng và chế biến nông sản, thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Trong đó thu nhập từ chế biến nông sản, thủy sản được ưu đãi thuế quy định tại Nghị định 320 phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

- Tỷ lệ giá trị nguyên vật liệu (nông sản, thủy sản) trên chi phí sản xuất hàng hóa, sản phẩm (giá vốn hàng hóa và sản phẩm) từ 30% trở lên; và
- Nguyên liệu đầu vào phục vụ chế biến sản phẩm nông nghiệp và thủy sản phải là nông sản hoặc thủy sản chưa được chế biến thành sản phẩm khác, hoặc chỉ mới qua sơ chế thông thường (bao gồm cả các sản phẩm phụ từ quá trình sơ chế nông sản hoặc thủy sản);
- Sản phẩm, hàng hóa từ chế biến nông sản, thủy sản không thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho thu nhập khác của MCM chưa tính các ưu đãi là 20%.

38. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

	2025	2024
Lợi nhuận thuần trong năm (VND)	482.051.194	54.135.679.570
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(12.791.821.945)	(13.041.301.796)
(Lỗ)/lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	(12.309.770.751)	41.094.377.774
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (số cổ phiếu)	212.491.611	212.491.611
(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(58)	193

- (*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 dựa trên phần lợi nhuận hợp nhất được phân bổ cho cổ đông phổ thông của Tổng Công ty trong năm 2024.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.



Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2025 VND	2024 VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	668.996.114.854	572.830.389.827
Mua hàng hóa, dịch vụ	22.371.399.944	33.494.634.294
Cổ tức	19.475.580.000	107.366.205.000
Bán tài sản cố định	-	3.920.351.174
Công ty liên kết		
Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội		
Mua hàng hóa	12.602.800.000	14.450.300.000
Thu nhập từ lợi nhuận được chia	-	1.800.000.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng		
Thu nhập từ lợi nhuận được chia	8.419.825.500	-
Công ty liên quan khác		
Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam		
Mua hàng hóa, dịch vụ	66.819.369.252	78.848.054.533
Bán hàng hóa	3.979.836.839	-
Mua bê	21.866.684.223	-
Công ty TNHH MTV Bò sữa Thống Nhất Thanh Hóa		
Mua hàng hóa	18.606.222.270	3.580.765.415
Bán hàng hóa	669.438.022	-

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thù lao và lương của người quản lý chủ chốt

	Giá trị giao dịch	
	2025 Triệu VND	2024 Triệu VND
Thành viên Hội đồng quản trị		
Tổng thù lao	384	384
Ông Nguyễn Hồng Bách – Thành viên	96	96
Ông Lê Thành Liêm – Thành viên	96	96
Ông Đỗ Hoàng Phúc – Thành viên	96	96
Ông Đoàn Quốc Khánh – Thành viên (từ ngày 23/4/2024)	96	66
Ông Trịnh Phương Nam – Thành viên (đến ngày 23/4/2024)	-	30
Ban Tổng Giám đốc		
Tổng thù lao	1,885	1,236
Ông Đoàn Quốc Khánh – Tổng Giám đốc	650	650
Ông Nguyễn Đức Nam – Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/3/2024)	325	271
Bà Phạm Ngọc Trâm – Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/10/2024)	910	265
Ông Trần Chí Sơn – Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 29/2/2024)	-	50
Ban Kiểm soát		
Tổng thù lao	240	240
Bà Trần Thái Thoại Trân – Trưởng ban (từ ngày 23/04/2024)	96	66
Bà Hà Thị Diệu Thu – Trưởng ban (đến ngày 23/4/2024)	-	30
Ông Trịnh Công Sơn – Thành viên	72	72
Ông Trương Anh Vũ – Thành viên (đến ngày 23/4/2025)	22	72
Bà Nguyễn Thị Minh Thư – Thành viên (từ ngày 23/4/2025)	50	-

40. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

23-03-2026

Người lập:



Hoàng Mạnh Cường
 Kế toán trưởng

Người soát xét:



Nguyễn Đức Nam
 Phó Tổng Giám đốc

Người duyệt:




Đoàn Quốc Khánh
 Tổng Giám đốc

